

Số: 09 /2021/QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 22 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức thưởng bằng tiền đối với vận động viên, huấn luyện viên của tỉnh lập thành tích tại các đại hội, giải vô địch thể thao quốc gia

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 358 /TTr-SVHTTDL ngày 08 tháng 02 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thưởng bằng tiền đối với vận động viên, huấn luyện viên của tỉnh lập thành tích tại các đại hội, giải vô địch thể thao quốc gia, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này Quy định mức thưởng bằng tiền đối với vận động viên, huấn luyện viên của tỉnh lập thành tích tại các đại hội, giải vô địch thể thao quốc gia.

2. Đối tượng áp dụng

Mức chi tiền thưởng được quy định tại Quyết định này áp dụng đối với vận động viên, huấn luyện viên thuộc đội tuyển thể thao của tỉnh lập thành tích trong thi đấu tại các đại hội, giải vô địch thể thao quốc gia theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

3. Mức thưởng cho vận động viên, huấn luyện viên của tỉnh lập thành tích trong thi đấu tại các đại hội, giải vô địch thể thao quốc gia

a) Mức thưởng cho vận động viên lập thành tích tại Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc và giải vô địch thể thao quốc gia từng môn (thuộc hệ thống thi đấu thể thao thành tích cao):

Đơn vị tính: VND/huy chương

STT	Giải thi đấu	Thành tích			HCV phá kỷ lục quốc gia thưởng thêm
		HCV	HCĐ	HCB	
1	Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc	12.000.000	8.000.000	5.000.000	6.000.000
2	Giải vô địch thể thao quốc gia	8.000.000	5.000.000	3.000.000	3.000.000

b) Mức thưởng cho vận động viên lập thành tích tại các giải thể thao trẻ quốc gia:

- Giải thể thao dành cho vận động viên đến dưới 12 tuổi: Mức thưởng bằng 20% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

- Giải thể thao dành cho vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi: Mức thưởng bằng 30% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

- Giải thể thao dành cho vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi: Mức thưởng bằng 40% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

- Giải thể thao dành cho vận động viên từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi: Mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

- Giải Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc áp dụng theo các lứa tuổi để xác định mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều này.

- Đối với các môn thể thao tập thể, số lượng vận động viên được thưởng khi lập thành tích theo quy định của Điều lệ giải. Mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên tham gia nhân với mức thưởng tương ứng quy định tại các điểm a và điểm b khoản 3 Điều này. Riêng môn đua thuyền truyền thống nhân với 70% mức thưởng tương ứng quy định tại các điểm a và điểm b khoản 3 Điều này.

- Đối với các môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội (các môn thi đấu mà thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội được xác định trong cùng một lần thi), số lượng vận động viên được thưởng khi lập thành tích theo quy định của điều lệ giải. Mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại các điểm a và điểm b khoản 3 Điều này.

c) Mức thưởng đối với các đội bóng đá tỉnh tại giải bóng đá hạng nhì quốc gia:

- Sân khách: Thắng 40.000.000 đồng/trận; Hòa 25.000.000 đồng/trận.

- Sân nhà: Thắng 30.000.000 đồng/trận; Hòa 20.000.000 đồng/trận.

- Vòng chung kết: Thắng 50.000.000 đồng/trận.

- Thưởng hạng nhất: 500.000.000 đồng.

d) Mức thưởng đối với các đội bóng rổ; bóng chuyên, bóng ném (gồm đội tuyển và đội bãi biển); bóng đá bãi biển tham dự Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc, giải vô địch quốc gia, giải hạng nhất:

- Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc:

+ Hạng ba: 40.000.000 đồng.

+ Hạng nhì: 60.000.000 đồng.

+ Hạng nhất: 100.000.000 đồng.

- Giải vô địch quốc gia, giải hạng nhất:

+ Hạng ba: 30.000.000 đồng.

+ Hạng nhì: 45.000.000 đồng.

+ Hạng nhất: 75.000.000 đồng.

đ) Mức thưởng đối với huấn luyện viên:

- Đối với thi đấu cá nhân: Những huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các cuộc thi đấu thì mức thưởng chung được tính bằng mức thưởng đối với vận động viên tương ứng. Tỷ lệ phân chia tiền thưởng đối với các huấn luyện viên được thực hiện theo nguyên tắc: Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển được hưởng 60%, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên cơ sở trước khi tham gia đội tuyển được hưởng 40% tổng mức thưởng.

- Đối với thi đấu tập thể: Những huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích thì được thưởng mức thưởng chung bằng số lượng huấn luyện viên theo quy định nhân với mức thưởng đối với vận động viên đạt giải. Số lượng huấn luyện viên của các đội được xét thưởng được quy định theo mức sau:

+ Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 02 đến 05 vận động viên tham gia thi đấu: Mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên.

+ Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 06 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu: Mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên.

+ Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 13 vận động viên trở lên: Mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên.

- Đối với môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội: Mức thưởng chung cho huấn luyện viên bằng số lượng huấn luyện viên quy định tại nội dung “Đối với thi đấu tập thể” tại điểm đ khoản 3 Điều này nhân với 50% mức thưởng tương ứng.

4. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí thực hiện mức thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên theo Quyết định này được bố trí trong dự toán chi ngân sách sự nghiệp thể

dục thể thao hàng năm theo phân cấp ngân sách Nhà nước hiện hành và nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2021 và bãi bỏ khoản 1 Điều 2 Quyết định số 03/2009/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định chế độ chi ngoài quy định của Trung ương đối với hoạt động Thể dục thể thao tỉnh Bình Thuận.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài PTTH tỉnh;
- Báo Bình Thuận;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KGVXNV. Hương

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CHỦ TỊCH



Ký bởi: Ủy ban
Nhân dân tỉnh
Bình Thuận
Ngày ký:
22.03.2021
10:50:55
+07:00

Lê Tuấn Phong